

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DSST

Ngày: 18 - 5- 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Lê Kim Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và 18 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 509/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2021/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp AH, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

* Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp BT, xã BTT, huyện L, tỉnh Đ là đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 05/8/2020)

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim C, sinh năm 1978.

Anh Dương Chí T1, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: ấp AH, xã Đ, huyện L, tỉnh Đ.

(Chị N có mặt, còn anh T1 và chị C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2020 của anh Nguyễn Văn T và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

Do quen biết nhau và nhà ở cạnh nhau nên vào ngày 10/02/2019, vợ chồng anh Dương Chí T1, Trần Thị Kim C có vay của anh T số tiền 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), thoả thuận lãi suất 2%/tháng, mục đích vay là để kinh doanh cửa hàng di động Trung Chi. Do chị C và anh T1 nói mượn đỡ vài tháng nên hai bên không làm biên nhận nợ. Sau khi vay tiền chị C và anh T1 đóng lãi đầy đủ nên anh T chưa đòi lại tiền vốn. Đến ngày 10/3/2020 anh T1 và chị C vay thêm số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), cộng số tiền vay trước tổng cộng là 210.000.000đ và chị C ký biên nhận xác nhận số tiền nợ nêu trên và không có thể chấp tài sản. Hai bên không thoả thuận thời hạn trả mà nói khi nào anh T muốn lấy lại vốn thì báo trước một tháng. Lãi suất hai bên thoả thuận bằng lời nói cũng là 2%/tháng và đóng lãi hàng tháng. Sau khi làm biên nhận nợ thì chị C và anh T1 chỉ đóng lãi được 02 tháng với số tiền là 8.400.000đ. Đến tháng 5/2021, chị C và anh T1 đóng cửa hàng điện thoại di động, khoá cửa nhà và treo bảng thông báo đi du lịch 05 ngày nhưng sau đó chị C và anh T1 đã khoá điện thoại di động và khoá luôn zalo nên anh T không liên lạc được với chị C và anh T1 cho đến nay.

Nay anh Nguyễn Văn T yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc còn nợ là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) và anh T không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn là chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1: Mặc dù, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T1 và chị C không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Riêng bị đơn mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay còn nợ nên quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tại nhà của chị C và anh T1 cũng như đã thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng anh T1 và chị C không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Tại phiên tòa xét xử lần thứ hai anh T1 và chị C vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1 và chị C.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Anh Nguyễn Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vốn vay gốc là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ anh T đã cung cấp cho Tòa án bản chính biên nhận tiền đề ngày 10/3/2020. Căn cứ vào tờ “Biên nhận tiền” đề ngày 10/3/2020 thể hiện người cho mượn là Nguyễn Văn T và người mượn tiền là chị Trần Thị Kim C số tiền trong biên nhận là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng). Như vậy, có căn cứ xác định chị C có ký tên vào biên nhận tiền đề ngày 10/3/2020 để vay anh T số tiền là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) của anh Nguyễn Văn T.

[2.2] Đối với chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng cũng như giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng chị C và anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Như vậy, việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: Mặc dù anh T1 không ký tên vào tờ “Biên nhận tiền” đề ngày 10/3/2020 nhưng chị C và anh T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Đ. Khoản tiền nợ anh T phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị C và anh T1 còn tồn tại. Do đó, theo quy định tại Điều 27

Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh T1 phải có nghĩa vụ cùng với chị C trả số tiền nợ nêu trên cho anh T.

[2.4] Đối với số tiền lãi của khoản tiền vay anh T không yêu cầu Toà án giải quyết do đó không xem xét giải quyết.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ xác định chị C và anh T1 có vay của anh T số tiền vốn gốc tổng cộng là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng) đến nay chưa trả. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu chị C và anh T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc nêu trên và không yêu cầu tính lãi là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T. Buộc chị C và anh T1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh T số tiền 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp như đã phân tích ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T.

Buộc chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T số tiền vay gốc là 210.000.000đ (Hai trăm mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Kim C và anh Dương Chí T1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.670.000đ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0009624 ngày 08 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Nội